

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 875 VÀ  
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1525

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 5 tháng 10 năm 2018

Số: 254/TTr-TCTLN

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn bản Phiêng Bua, phường Noong Bua và tổ dân phố 18 phường Him Lam (điểm tái định cư bản Phiêng Bua) đợt 6**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; cụ thể như sau:

#### I. Căn cứ

- a) Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- b) Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- c) Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- d) Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- e) Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số

Kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được sử dụng từ nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

#### 7. Tổ chức thực hiện

##### a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Phối hợp với các đơn vị có liên quan, căn cứ phương án, dự toán kinh phí được phê duyệt, chứng từ liên quan thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư; cụ thể như sau:

- Chi trả cho các đối tượng trong phương án các khoản tiền: bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ;

- Thanh toán các khoản chi phí tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án;

- Tập hợp các chứng từ chi phí thực tế có liên quan lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành;

- Chuyển tiền chi phí tổ chức thực hiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo tiến độ thực hiện;

##### b) Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Noong Bua, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí tái định cư và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Thu Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có) cho người sử dụng đất bị thu hồi chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng;

##### c) Ủy ban nhân dân phường Noong Bua, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm:

- Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

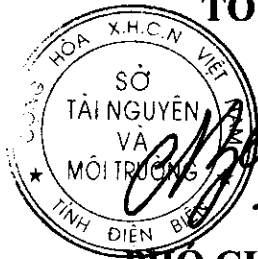
- Tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng TNMT TP ĐBP;
- Trung tâm PTQĐ;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG  
TỔ PHÓ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Ngôn Ngọc Khuê**

**BIỂU 1: TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Dọc TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN BÀN PHIÊNG BUA, PHƯỜNG NOONG BUA VÀ TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ BẢN PHIÊNG BUA)**

(Kèm theo Tờ trình số: 254/TTr-TCTLN ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

STT	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH THẨM ĐỊNH (m2)	KINH PHÍ, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN VẬT KIẾN TRÚC	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI	KINH PHÍ HỖ TRỢ			TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
						TỔNG CỘNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ	KINH PHÍ HỖ TRỢ XD NHÀ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	Lò Thị Thu	79,2	33.610.500,0	3.690.960,0	-	158.400	158.400		37.459.860
62	Lò Thị Thiết			1.987.440,0	30.650.910,0	0			32.638.350
63	Lò Thị Thân Trang			7.870.262,4	22.993.180,0	0			30.863.442
	<b>Tổng cộng</b>	<b>79,2</b>	<b>33.610.500,0</b>	<b>13.548.662,4</b>	<b>53.644.090,0</b>	<b>158.400,0</b>	<b>158.400,0</b>	<b>-</b>	<b>100.961.652,4</b>

Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất:	33.610.500
Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc:	13.548.662
Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi:	53.644.090
Kinh phí điều chỉnh bổ sung hỗ trợ:	158.400
Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện:	2.019.233
Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng tổ chức cưỡng chế:	201.923
	<b>103.182.808,0</b>

**Bằng chữ:** Một trăm lẻ ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm lẻ tám đồng.

**BIỂU 2: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Dọc TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN BẢN PHIÊNNG BUA, PHƯỜNG NOONG BUA VÀ TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ BẢN PHIÊNNG BUA)**

(Kèm theo Tờ trình số: 254.../TTr-TCTLN ngày 5...tháng...10... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

STT	Họ và tên	ĐVT	Tờ Bản Đồ	Số Thửa	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
18	Lò Thị Thu				79,2		33.610.500
a	Bồi thường, hỗ trợ về đất				79,2		33.610.500
	- Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác,	m <sup>2</sup>	16	40	79,2	58.000	4.593.600
	- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất ở liền kề phường Noong Bua đơn giá 366.375đ/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	16	40	79,2	366.375	29.016.900
	<b>Tổng cộng</b>				79,2		<b>33.610.500</b>

**BIỂU 3: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, VKT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN BẢN PHIÊNG BUA, PHƯỜNG NOONG BUA VÀ TỔ 18 PHƯỜNG HIM LAM(ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ BẢN PHIÊNG BUA)**

*(Kèm theo Tờ trình số: ...2.54.../TTr-TCTLN ngày ...5...tháng...40... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)*

STT	Họ và tên	Số lượng, khối lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
18	Lò Thị Thu			3.690.960
b	Tài sản, vật kiến trúc			3.690.960
	- Tường bao xây T11: 26,0m x 0,5m	13,0	283.920	3.690.960
62	Lò Thị Thiết			1.987.440
b	Tài sản, vật kiến trúc			1.987.440
	- Tường bao xây T11: 14m x 0,5m	7,0	283.920	1.987.440
63	Lò Thị Thân Trang			7.870.262
b	Tài sản, vật kiến trúc			7.870.262
	- Tường bao xây T11: 12m x 0,5m	6,0	283.920	1.703.520
	- Tường bao xây T11: 24,3m x 0,4m	9,7	283.920	2.759.702
	- Tường bao xây T11: 12m x 0,5m	12,0	283.920	3.407.040
	<b>Tổng cộng</b>			<b>13.548.662</b>

**BIỂU 4: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHÍ NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỌC TRỰC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN BẢN PHIÊNNG BUA, PHƯỜNG NOONG BUA VÀ TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM(ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ BẢN PHIÊNNG BUA)**

(Kèm theo Tờ trình số: 254./TTr-TCTLN ngày 5...tháng...12... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 113/TTr-TCTLN ngày 21/4/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
18	Lò Thị Thu				25.522.666	18	Lò Thị Thu				25.681.066	158.400	
c	Cây trồng vật nuôi				25.522.666	c	Cây trồng vật nuôi				25.522.666	0	Đối với hộ gia đình về cây cối hoa màu TCT đã thẩm định và trình
	- Cây cảnh trồng đất loại to	cây	120,0	67.500	8.100.000		- Cây cảnh trồng đất loại to	cây	120,0	67.500	8.100.000	0	
	- Cây mít BK tán 3,3 m: 1 cây	quả	136,8	14.000	1.914.898		- Cây mít BK tán 3,3 m: 1 cây	quả	136,8	14.000	1.914.898	0	
	- Cây nhãn BK tán 3,4 m: 5 cây	kg	726,0	16.000	11.615.488		- Cây nhãn BK tán 3,4 m: 5 cây	kg	726,0	16.000	11.615.488	0	
	- Cây nhãn BK tán 3,0 m: 2 cây	kg	226,1	16.000	3.617.280		- Cây nhãn BK tán 3,0 m: 2 cây	kg	226,1	16.000	3.617.280	0	
	- Cây chuối cao trên 1m chưa có buồng	cây	3,0	60.000	180.000		- Cây chuối cao trên 1m chưa có buồng	cây	3,0	60.000	180.000	0	
	- Cây lấy gỗ thường đk thân từ 15cm -< 30cm	cây	1,0	95.000	95.000		- Cây lấy gỗ thường đk thân từ 15cm < 30cm	cây	1,0	95.000	95.000	0	
d	Kinh phí hỗ trợ				0	d	Kinh phí hỗ trợ				158.400	158.400	
							Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ đối với đất nông nghiệp (không quá 2.000.000 đồng/hộ theo mục a khoản 1 Điều 16 quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên.	m <sup>2</sup>	79,2	2.000	158.400	158.400	

Tờ trình số 113/TTr-TCTLN ngày 21/4/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
62	Lò Thị Thiết					62	Lò Thị Thiết				30.650.910	30.650.910	Thẩm định trên cơ sở biên bản phúc tra của hộ gđ ngày 25/9/2018
						c	Cây trồng, vật nuôi				30.650.910	30.650.910	
							- Nhân BK tán 4m: 5 cây	kg	1.004,8	16.000	16.076.800	16.076.800	
							- Nhân BK tán 2m: 3 cây	kg	150,7	16.000	2.411.520	2.411.520	
							- Nhân BK tán 1m: 4 cây	kg	50,2	16.000	803.840	803.840	
							- Cây chè xanh trồng trên 5 năm: 15 cây	kg	15,0	33.250	498.750	498.750	
							- Cây trồng giàn cho thu hoạch (gấc)	cây	1,0	60.000	60.000	60.000	
							- Cây hoa hòe chưa cho thu hoạch (trồng năm thứ 4)	cây	64,0	67.500	4.320.000	4.320.000	
							- Cây cảnh trồng đất loại trung bình (sì)	cây	120,0	54.000	6.480.000	6.480.000	
63	Lò Thị Thân Trang					63	Lò Thị Thân Trang				22.993.180	22.993.180	
						c	Cây trồng, vật nuôi				22.993.180	22.993.180	
							- Cây nhân đk tán 5m x 1 cây	kg	314,0	16.000	5.024.000	5.024.000	
							- Cây nhân đk tán 4m x 1 cây	kg	201,0	16.000	3.215.360	3.215.360	
							- Cây nhân đk tán 3m x 3 cây	kg	339,1	16.000	5.425.920	5.425.920	



Tờ trình số 113/TTr-TCTLN ngày 21/4/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	STT	Họ và tên	ĐVT	Diện tích, số lượng (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
							- Cây chè cho thu hoạch trên 5 năm tuổi	cây	86	33.750	2.902.500	2.902.500	
							- Cây cảnh trồng đất loại TB	cây	106	54.000	5.724.000	5.724.000	
							- Cây cau chưa có quả	cây	4	108.000	432.000	432.000	
							- Cây gỗ quý nhóm I đk thân từ 10cm đến 15 cm	cây	1	81.000	81.000	81.000	
							- Cây ổi bk tán 1m x 1 cây	kg	12,6	10.000	125.600	125.600	
							- Cây chanh bk tán: 0,5m x 1 cây	kg	3,1	20.000	62.800	62.800	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>25.522.666</b>		<b>Tổng cộng</b>				<b>79.325.156</b>	<b>53.802.490</b>	

Trong đó:

Cây trồng vật nuôi

25.522.666

79.166.756

53.644.090

Hỗ trợ

0

158.400

158.400

**BIỂU 5: DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN BẢN PHIÊNNG BUA, PHƯỜNG NOONG BUA VÀ TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM(ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ BẢN PHIÊNNG BUA)**

(Kèm theo Tờ trình số: 254/TTr-TCTLN ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
<b>A</b>	<b>Tổng kinh phí tổ chức thực hiện</b>	<b>2.019.233</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí phê duyệt phương án (2%)</b>	<b>40.385</b>
<b>II</b>	<b>Kinh phí cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB (70%)</b>	<b>1.413.463</b>
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất;	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác;	
3	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;	
4	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
5	Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
	i) Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);	
7	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	
<b>III</b>	<b>Kinh phí cho Tổ công tác của tỉnh (23%)</b>	<b>464.424</b>
1	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	
2	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
3	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
4	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thẩm định, giải quyết các vướng mắc phát sinh...)	
<b>IV</b>	<b>Kinh phí chuyển về sở Tài chính để trả cho Hội đồng thẩm định giá đất (5%)</b>	<b>100.962</b>
<b>B</b>	<b>Dự phòng cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất (10%)</b>	<b>201.923</b>
<b>C</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.221.156</b>